



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 8 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền
Ông Nguyễn Thiệu Quang

Chủ tịch
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2023

1001 P. V. Z. 1011



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 61.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

1/6
1/11
1/10
1/11



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00313-23-2



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2023



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		30.290.219.617.592	26.092.449.023.518
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	5.309.141.311.312	5.588.278.453.404
Tiền	111		115.108.061.312	93.843.655.219
Các khoản tương đương tiền	112		5.194.033.250.000	5.494.434.798.185
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.669.954.815.035	1.403.814.717.880
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	1.216.544.000.000	1.202.171.717.880
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	1.453.410.815.035	201.643.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.828.128.844.257	16.526.609.661.885
Phải thu của khách hàng	131	10	768.039.251.221	663.867.546.603
Trả trước cho người bán	132		326.713.723.023	328.055.851.416
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	6.188.191.980.732	6.047.191.980.732
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	12.545.183.889.281	9.487.494.283.134
Hàng tồn kho	140	13	2.416.844.048.976	2.501.747.857.460
Hàng tồn kho	141		2.433.886.343.659	2.531.009.688.650
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.042.294.683)	(29.261.831.190)
Tài sản ngắn hạn khác	150		66.150.598.012	71.998.332.889
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.158.736.246	21.864.190.200
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.498.224.091	46.519.568.421
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8.493.637.675	3.614.574.268

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		7.476.044.055.001	7.424.194.062.002
Các khoản phải thu dài hạn	210		193.622.995.106	192.573.706.896
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	193.622.995.106	192.573.706.896
Tài sản cố định	220		5.202.497.078.548	5.092.592.979.450
Tài sản cố định hữu hình	221	14	4.408.601.019.114	4.256.149.930.619
Nguyên giá	222		9.015.458.388.086	8.642.295.346.974
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.606.857.368.972)	(4.386.145.416.355)
Tài sản cố định vô hình	227	15	793.896.059.434	836.443.048.831
Nguyên giá	228		2.397.918.301.522	2.396.630.305.722
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.604.022.242.088)	(1.560.187.256.891)
Bất động sản đầu tư	230	16	6.557.748.710	7.359.461.196
Nguyên giá	231		18.627.973.918	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.070.225.208)	(11.268.512.722)
Tài sản dở dang dài hạn	240		696.024.105.792	810.614.752.363
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	696.024.105.792	810.614.752.363
Đầu tư tài chính dài hạn	250		269.858.473.254	249.391.858.906
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	9(c)	269.858.473.254	249.391.858.906
Tài sản dài hạn khác	260		1.107.483.653.591	1.071.661.303.191
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	653.017.058.249	667.880.246.079
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	318.840.087.995	250.748.144.987
Lợi thế thương mại	269	20	135.626.507.347	153.032.912.125
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		37.766.263.672.593	33.516.643.085.520

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

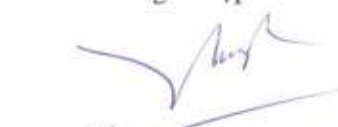
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.273.490.407.429	11.070.997.878.366
Nợ ngắn hạn	310		11.595.977.150.520	10.061.228.330.556
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.561.989.982.282	1.495.519.562.993
Người mua trả tiền trước	312		47.795.957.194	57.801.371.025
Thuế phải nộp Nhà nước	313	22	704.088.458.965	225.676.023.072
Phải trả người lao động	314		797.534.367	587.599.793
Chi phí phải trả	315	23	1.873.804.139.211	1.521.371.528.492
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	173.544.211.992	106.179.705.073
Vay ngắn hạn	320	25(a)	7.206.081.340.921	6.626.217.014.520
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		27.875.525.588	27.875.525.588
Nợ dài hạn	330		677.513.256.909	1.009.769.547.810
Phải trả người bán dài hạn	331	21	21.614.128.500	24.324.232.000
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	31.156.933.624	31.756.586.755
Vay dài hạn	338	25(b)	450.715.827.195	774.748.996.895
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	162.334.992.265	166.878.229.906
Dự phòng phải trả dài hạn	342		11.691.375.325	12.061.502.254
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		25.492.773.265.164	22.445.645.207.154
Vốn chủ sở hữu	410	26	25.492.773.265.164	22.445.645.207.154
Vốn cổ phần	411	27	7.274.618.790.000	7.274.618.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	27	3.610.328.815.858	3.610.328.815.858
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	27	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		6.589.850.494	7.418.664.660
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.263.913.539.329	12.263.423.092.167
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.263.423.092.167	6.816.958.384.098
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		3.000.490.447.162	5.446.464.708.069
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		575.032.280.766	527.565.855.752
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		37.766.263.672.593	33.516.643.085.520

Ngày 4 tháng 8 năm 2023

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yên
 Đại diện theo ủy quyền



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	12.566.651.161.401	11.886.012.184.690
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	52.480.608.655	67.558.564.742
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	29	12.514.170.552.746	11.818.453.619.948
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	6.926.387.996.926	6.893.664.185.325
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		5.587.782.555.820	4.924.789.434.623
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	890.147.864.587	402.110.053.492
Chi phí tài chính	22	32	278.201.734.614	191.968.683.451
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		262.944.878.670	139.147.523.806
Phần lãi trong một công ty liên kết	24	9(c)	33.762.699.348	13.296.085.000
Chi phí bán hàng	25	33	2.364.917.223.952	2.077.409.105.915
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	445.511.635.918	451.498.194.517
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		3.423.062.525.271	2.619.319.589.232
Thu nhập khác	31		2.581.197.591	823.339.916
Chi phí khác	32		3.946.517.259	5.331.823.877
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.365.319.668)	(4.508.483.961)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.421.697.205.603	2.614.811.105.271
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	446.375.511.720	256.139.443.724
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(72.635.180.649)	107.182.642.869
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		3.047.956.874.532	2.251.489.018.678

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		3.047.956.874.532	2.251.489.018.678
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		3.000.490.447.162	2.198.717.334.849
Cổ đông không kiểm soát	62		47.466.427.370	52.771.683.829
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	4.187	3.071

Ngày 4 tháng 8 năm 2023

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yên
 Đại diện theo ủy quyền



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	3.421.697.205.603	2.614.811.105.271
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	331.595.312.946	415.453.512.544
Các khoản dự phòng	03	33.225.447.643	34.059.470.121
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.105.753.660	29.479.310.329
Lỗi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05	1.389.705.567	1.422.793.439
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(877.691.304.916)	(390.083.548.205)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(33.762.699.348)	(13.296.085.000)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	264.381.378.666	140.584.023.802
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.143.940.799.821	2.832.430.582.301
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(150.772.062.338)	(23.113.845.112)
Biến động hàng tồn kho	10	51.308.233.912	(451.372.737.099)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	748.790.926.128	(967.854.582.436)
Biến động chi phí trả trước	12	26.824.589.550	14.819.434.771
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(14.372.282.120)	-
		3.805.720.204.953	1.404.908.852.425
Tiền lãi vay đã trả	14	(263.911.003.977)	(133.482.727.015)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(213.690.016.090)	(345.283.020.552)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(3.730.620.172)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	3.328.119.184.886	922.412.484.686
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(346.199.303.738)	(790.851.543.355)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.564.299.405	1.340.506.033
Tiền chi cho vay	23	(141.000.000.000)	(95.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(4.799.510.815.035)	(8.277.143.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu hồi từ các hoạt động đầu tư khác	24	1.197.743.000.000	1.644.618.000.000
Tiền thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, các hoạt động đầu tư khác và cổ tức	27	227.588.210.447	167.416.402.206
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(3.859.814.608.921)	(7.349.619.635.116)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	9.686.037.915.943	9.740.306.033.666
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(9.432.240.104.189)	(10.610.229.412.093)
Tiền chi trả cổ tức	36	(82.732.500)	(9.752.730.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	253.715.079.254	(879.676.109.027)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(277.980.344.781)	(7.306.883.259.457)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5.588.278.453.404	13.013.125.962.658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(8.207.238)	17.222.662
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	61	(1.148.590.073)	(3.113.604.444)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5.309.141.311.312	5.703.146.321.419

Ngày 4 tháng 8 năm 2023

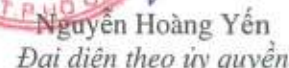
Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính




Nguyễn Hoàng Yên
 Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc gia đình; và cung cấp dịch vụ phân phối theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2023: 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”)	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan HPC	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Masan Innovation	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023
Các công ty con sở hữu gián tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiên	(i) Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Masan PQ	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan Long An	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Ấp 2, Xã Thạnh Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi và gia vị	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
7	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023
8	Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
9	Công ty TNHH Masan HN	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, gia vị và bao bì	Lô CN-08 và CN-14, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
10	Công ty TNHH Masan HG 2 (“MH2”)	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, đồ uống, gia vị và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Phường Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
11	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	98,79%	98,79%	98,79%	98,79%
12	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	89,52%	89,52%	89,52%	89,52%
13	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	89,52%	89,52%	99,999%	99,999%
14	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,85%	65,85%	65,85%	65,85%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				30/6/2023	1/1/2023	30/6/2023	1/1/2023
15	Công ty Cổ phần Bột giặt NET	(iv) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm chăm sóc gia đình	Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	52,25%	52,25%	52,25%	52,25%
16	Công ty TNHH Hi-Fresh	(v) Kinh doanh và phân phối (vi)	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
17	Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro	(v) Cung cấp dịch vụ giặt ủi	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(i) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các công ty con và công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan.
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào.
- (iv) Công ty Cổ phần Bột giặt NET được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan HPC.
- (v) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan Innovation.
- (vi) Do thay đổi trong định hướng kinh doanh, trong tháng 6 năm 2023, Chủ tịch của Công ty TNHH Masan Innovation, công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty, đã phê duyệt quyết định về việc giải thể Công ty TNHH Hi-fresh. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc giải thể chưa được hoàn tất.

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-MS của các Cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2023, các cổ đông đã thông qua phương án sáp nhập Công ty vào Công ty TNHH Masan Consumer Holdings, công ty mẹ. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc sáp nhập vẫn chưa diễn ra.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có 4.861 nhân viên (1/1/2023: 5.211 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...). Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ các giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc khi các công ty được thành lập vào ngày sau ngày bắt đầu của các kỳ báo cáo trình bày gần nhất, cho các giai đoạn từ ngày thành lập đến hết ngày kết thúc các kỳ báo cáo tương ứng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 3(1)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi cho giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 35 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 19 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 17 năm đến 30 năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) *Nhãn hiệu*

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của nhãn hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 30 năm. Giá trị hợp lý của nhãn hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu nhãn hiệu đó.

(v) *Quan hệ khách hàng*

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 15 năm.

(vi) *Tài nguyên nước khoáng*

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 37 năm.

(i) *Bất động sản đầu tư cho thuê*

(i) *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 42 năm đến 50 năm.

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng dao động từ 46 năm đến 47 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(iii) Chi phí sắp xếp khoản vay

Chi phí sắp xếp khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(m) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) *Vốn chủ sở hữu*

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản từ các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu về cho vay, chứng khoán kinh doanh và các hoạt động đầu tư khác và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản thu nhập lãi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập và chi phí phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào từng bộ phận.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã soát xét của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu của Tập đoàn thường tăng vào quý 4 hàng năm do các nhà phân phối chuẩn bị cho nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong những tháng trước Tết Nguyên đán diễn ra vào quý 1 hàng năm. Theo đó, Tập đoàn thường tăng mua các sản phẩm gia vị, thực phẩm tiện lợi và đồ uống không cồn từ các công ty con, đồng thời tăng cường các hoạt động quảng cáo, khuyến mại vào quý 4 hàng năm để thúc đẩy bán hàng trong giai đoạn cận kề mùa lễ hội.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ cấu của Tập đoàn kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

12/1
12/1
12/1
12/1

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh thành bốn bộ phận kinh doanh chính là thực phẩm, đồ uống, sản phẩm chăm sóc gia đình và bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận Thực phẩm bao gồm gia vị và thực phẩm tiện lợi. Bộ phận kinh doanh khác bao gồm cho thuê nhà kho và các hoạt động khác.

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc gia đình		Khác		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	8.517.369.339.445	8.284.771.804.649	2.975.168.288.703	2.788.321.130.614	963.009.178.666	715.257.719.489	58.623.745.932	30.102.965.196	12.514.170.552.746	11.818.453.619.948
Lợi nhuận gộp của bộ phận	3.890.642.091.836	3.425.511.360.155	1.371.091.904.784	1.326.444.836.240	281.522.082.803	161.676.224.680	44.526.476.397	11.157.013.548	5.587.782.555.820	4.924.789.434.623
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.368.206.129.524	1.949.751.683.965	751.219.093.617	755.322.262.089	(10.467.770.555)	16.540.923.951	44.526.476.397	11.157.013.548	3.153.483.928.983	2.732.771.883.553
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ									(342.367.533.685)	(323.593.664.362)
Doanh thu hoạt động tài chính									890.147.864.587	402.110.053.492
Chi phí tài chính									(278.201.734.614)	(191.968.683.451)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh									3.423.062.525.271	2.619.319.589.232
Thu nhập khác									2.581.197.591	823.339.916
Chi phí khác									(3.946.517.259)	(5.331.823.877)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp									(373.740.331.071)	(363.322.086.593)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp									3.047.956.874.532	2.251.489.018.678

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc gia đình		Hợp nhất	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản bộ phận	6.054.757.291.260	6.061.217.312.836	2.333.390.170.689	2.485.099.017.086	1.146.892.272.562	1.142.748.260.755	9.535.039.734.511	9.689.064.590.677
Tài sản không phân bổ							28.231.223.938.082	23.827.578.494.843
Tổng tài sản							37.766.263.672.593	33.516.643.085.520
Nợ phải trả bộ phận	1.817.295.025.064	1.566.471.651.304	745.633.675.085	538.029.940.485	348.917.216.848	323.937.928.398	2.911.845.916.997	2.428.439.520.187
Nợ phải trả không phân bổ							9.361.644.490.432	8.642.558.358.179
Tổng nợ phải trả							12.273.490.407.429	11.070.997.878.366
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022	30/6/2023	30/6/2022	30/6/2023	30/6/2022	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chỉ tiêu vốn	214.179.887.206	621.142.057.616	81.027.697.189	163.270.866.127	6.546.545.327	3.533.012.934	301.754.129.722	787.945.936.677
Chỉ tiêu vốn không phân bổ							50.165.406.115	10.601.115.818
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	188.895.712.451	245.516.509.539	66.927.392.448	77.818.651.394	11.632.707.745	12.761.738.629	267.455.812.644	336.096.899.562
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ							2.898.110.327	2.107.812.196
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	15.714.709.987	22.977.151.336	34.726.721.221	42.151.736.586	17.960.568.713	17.791.904.575	68.401.999.921	82.920.792.497
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ							28.512.865.144	24.970.132.930

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	880.037.816	1.050.088.807
Tiền gửi ngân hàng	114.228.023.496	92.793.566.412
Các khoản tương đương tiền	5.194.033.250.000	5.494.434.798.185
	5.309.141.311.312	5.588.278.453.404

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

9. Đầu tư tài chính

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	1.216.544.000.000	1.202.171.717.880
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	1.453.410.815.035	201.643.000.000
	2.669.954.815.035	1.403.814.717.880
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	269.858.473.254	249.391.858.906



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2023				1/1/2023			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu doanh nghiệp do một bên thứ ba phát hành	12.000.000	1.216.544.000.000	(*)	-	12.000.000	1.202.171.717.880	(*)	-

Tập đoàn đã mua các trái phiếu này với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, trái phiếu có thời hạn còn lại đến ngày đáo hạn là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất 10%/năm cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên và 2,78%/năm cộng với lãi suất cho vay trung và dài hạn do ngân hàng được chọn công bố áp dụng cho các khách hàng doanh nghiệp cho các kỳ tính lãi còn lại. Các trái phiếu này được đảm bảo bởi tài sản của một bên thứ ba. Tập đoàn có cam kết từ một bên liên quan sẽ mua lại các trái phiếu này trước ngày 29 tháng 12 năm 2023.

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.453.410.815.035	201.643.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

	30/6/2023			1/1/2023		
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”)	2.659.217	32,83%	269.858.473.254	2.659.217	32,83%	249.391.858.906

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết có thể khác với giá trị ghi sổ.

Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động kinh doanh chính của CLX.

Biến động trong kỳ của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

	VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết đầu kỳ	249.391.858.906
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua trong kỳ	33.762.699.348
Cổ tức được nhận liên quan đến giai đoạn sau ngày mua trong kỳ	(13.296.085.000)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết cuối kỳ	269.858.473.254

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu của khách hàng

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan	557.045.086.793	382.713.005.733
Phải thu từ các bên thứ ba	210.994.164.428	281.154.540.870
	<hr/>	<hr/>
	768.039.251.221	663.867.546.603
	<hr/>	<hr/>

Xem thêm Thuyết minh 37 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ công ty mẹ và một bên liên quan	6.188.191.980.732	6.047.191.980.732
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ công ty mẹ và một bên bên liên quan không được đảm bảo và hưởng lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng. Các khoản vay này lần lượt đáo hạn vào tháng 12 năm 2023 và tháng 4 năm 2024. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đáo hạn của các khoản cho vay. Xem Thuyết minh 37 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.

12/15/2023

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lãi dự thu từ cho vay (i)	241.197.095.562	-
▪ Đặt cọc ngắn hạn (ii)	59.171.988.576	54.871.988.576
▪ Phải thu khác (iv)	42.484.336.944	43.814.136
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	11.365.000.000.000	9.015.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	744.251.356.153	347.321.164.376
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	54.146.101.366	28.874.209.236
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	29.584.945.230	33.849.261.670
Phải thu khác	9.348.065.450	7.533.845.140
	12.545.183.889.281	9.487.494.283.134

- (i) Các khoản phải thu ngắn hạn này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản vay cấp cho công ty mẹ và một bên liên quan. Xem Thuyết minh 11 và Thuyết minh 37 để biết thêm thông tin.
- (ii) Đặt cọc thuê kho cho một bên liên quan.
- (iii) Các số dư này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba này cam kết trả cho Tập đoàn mức lợi nhuận tối thiểu theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác đầu tư.
- (iv) Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và được thu hồi khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phải thu từ một hợp đồng hợp tác kinh doanh (v)	182.300.000.000	182.300.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	11.322.995.106	10.273.706.896
	193.622.995.106	192.573.706.896

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (v) Năm 2021, một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) với một bên thứ ba để hợp tác sản xuất nước mắm cốt trong thời hạn 5 năm. Theo đó, công ty con này góp vốn vào BCC bằng tiền cho mục đích chi tiêu vốn. Bên thứ ba đóng góp quyền sử dụng toàn bộ đất đai, nhà xưởng, nhà kho, máy móc, thiết bị và các cơ sở hạ tầng liên quan. Công ty con này và bên thứ ba sẽ được chia lợi nhuận của BCC theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

13. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	55.281.162.517	-	105.747.622.863	-
Nguyên vật liệu	1.227.346.140.100	(8.978.287.940)	1.217.432.443.405	(17.539.183.873)
Công cụ và dụng cụ	79.554.646.139	-	77.536.763.185	(1.197.147.302)
Sản phẩm dở dang	190.651.297.145	-	209.765.004.307	-
Thành phẩm	794.552.893.310	(8.064.006.743)	846.757.477.607	(10.509.751.502)
Hàng hóa	86.500.204.448	-	68.186.986.806	(15.748.513)
Hàng gửi đi bán	-	-	5.583.390.477	-
	<u>2.433.886.343.659</u>	<u>(17.042.294.683)</u>	<u>2.531.009.688.650</u>	<u>(29.261.831.190)</u>

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	29.261.831.190	37.654.256.409
Tăng dự phòng trong kỳ	35.067.762.077	34.181.256.096
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(45.815.111.079)	(42.267.368.973)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.472.187.505)	(350.555.339)
Số dư cuối kỳ	<u>17.042.294.683</u>	<u>29.217.588.193</u>

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 17.042 triệu VND (1/1/2023: 29.262 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	2.741.198.228.109	59.361.231.666	5.706.860.256.188	32.536.404.193	102.339.226.818	8.642.295.346.974
Tăng trong kỳ	-	-	900.665.000	322.000.000	-	1.222.665.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.457.672.580	-	402.134.597.923	2.523.020.647	3.323.247.802	423.438.538.952
Thanh lý	(975.109.300)	(137.532.206)	(43.413.092.763)	(1.912.769.300)	(1.181.951.110)	(47.620.454.679)
Xóa sổ	(32.538.645)	-	(3.845.169.516)	-	-	(3.877.708.161)
Số dư cuối kỳ	2.755.648.252.744	59.223.699.460	6.062.637.256.832	33.468.655.540	104.480.523.510	9.015.458.388.086
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	759.540.750.758	59.361.231.666	3.477.772.251.755	16.087.617.923	73.383.564.253	4.386.145.416.355
Khấu hao trong kỳ	53.519.363.698	-	209.394.458.244	1.870.183.880	4.768.204.663	269.552.210.485
Thanh lý	(975.109.300)	(137.532.206)	(41.138.136.028)	(1.809.813.742)	(1.181.951.110)	(45.242.542.386)
Xóa sổ	(9.453.796)	-	(3.588.261.686)	-	-	(3.597.715.482)
Số dư cuối kỳ	812.075.551.360	59.223.699.460	3.642.440.312.285	16.147.988.061	76.969.817.806	4.606.857.368.972
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.981.657.477.351	-	2.229.088.004.433	16.448.786.270	28.955.662.565	4.256.149.930.619
Số dư cuối kỳ	1.943.572.701.384	-	2.420.196.944.547	17.320.667.479	27.510.705.704	4.408.601.019.114

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 1.602.182 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 1.297.724 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng VND	Nhãn hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	119.085.818.402	305.218.219.691	76.959.571.667	1.085.327.898.373	397.341.034.078	412.697.763.511	2.396.630.305.722
Tăng trong kỳ	-	103.820.000	-	-	-	-	103.820.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.816.329.800	-	-	-	-	1.816.329.800
Giảm khác	-	-	(632.154.000)	-	-	-	(632.154.000)
Số dư cuối kỳ	119.085.818.402	307.138.369.491	76.327.417.667	1.085.327.898.373	397.341.034.078	412.697.763.511	2.397.918.301.522
Gía trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	46.961.603.093	275.064.259.076	30.243.205.130	679.681.971.307	367.099.758.073	161.136.460.212	1.560.187.256.891
Khấu hao trong kỳ	1.476.606.756	16.841.597.382	1.404.133.174	11.394.390.585	2.835.749.202	9.882.508.098	43.834.985.197
Số dư cuối kỳ	48.438.209.849	291.905.856.458	31.647.338.304	691.076.361.892	369.935.507.275	171.018.968.310	1.604.022.242.088
Gía trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	72.124.215.309	30.153.960.615	46.716.366.537	405.645.927.066	30.241.276.005	251.561.303.299	836.443.048.831
Số dư cuối kỳ	70.647.608.553	15.232.513.033	44.680.079.363	394.251.536.481	27.405.526.803	241.678.795.201	793.896.059.434

Trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản cố nguyên giá là 1.061.246 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 887.757 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	18.016.283.093	611.690.825	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	11.082.182.048	186.330.674	11.268.512.722
Khấu hao trong kỳ	769.980.852	31.731.634	801.712.486
Số dư cuối kỳ	11.852.162.900	218.062.308	12.070.225.208
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	6.934.101.045	425.360.151	7.359.461.196
Số dư cuối kỳ	6.164.120.193	393.628.517	6.557.748.710

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được nắm giữ để cho thuê chưa được xác định bởi vì Tập đoàn chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Trong bất động sản đầu tư của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 9.447 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 9.447 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư đầu kỳ	810.614.752.363
Tăng trong kỳ	327.338.041.149
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(423.438.538.952)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.816.329.800)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(16.377.718.968)
Thanh lý	(296.100.000)
	696.024.105.792
Số dư cuối kỳ	696.024.105.792

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Máy móc và thiết bị	575.155.835.504	637.988.338.119
Nhà cửa và vật kiến trúc	66.995.768.602	126.909.501.231
Khác	53.872.501.686	45.716.913.013
	696.024.105.792	810.614.752.363

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sắp xếp khoản vay VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	568.453.762.061	9.403.113.463	78.512.064.988	11.511.305.567	667.880.246.079
Tăng trong kỳ	-	-	5.720.232.099	-	5.720.232.099
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	16.377.718.968	-	16.377.718.968
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	30.250.000	-	30.250.000
Phân bổ trong kỳ	(6.886.972.002)	(1.567.185.574)	(24.391.150.853)	(2.828.166.660)	(35.673.475.089)
Thanh lý	-	-	(56.351.393)	-	(56.351.393)
Xóa sổ	-	-	(1.261.494.171)	-	(1.261.494.171)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	(68.244)	-	(68.244)
Số dư cuối kỳ	561.566.790.059	7.835.927.889	74.931.201.394	8.683.138.907	653.017.058.249

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, một số chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	30/6/2023		1/1/2023	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	218.823.488.836	-	152.534.227.134	-
Chi phí kho vận phải trả	19.461.012.287	-	17.253.390.773	-
Chiết khấu thương mại phải trả	5.768.701.837	-	9.889.377.519	-
Các khoản chi phí phải trả khác	33.170.420.855	-	28.440.734.928	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	41.616.464.180	-	42.630.414.633	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(7.671.981.909)	-	(7.883.669.190)
Tài sản cố định vô hình	-	(154.663.010.356)	-	(158.994.560.716)
	318.840.087.995	(162.334.992.265)	250.748.144.987	(166.878.229.906)

20. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	750.964.625.546
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	597.931.713.421
Phân bổ trong kỳ	17.406.404.778
Số dư cuối kỳ	615.338.118.199
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	153.032.912.125
Số dư cuối kỳ	135.626.507.347

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả người bán

	30/6/2023 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2023 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho các bên thứ ba	1.369.683.991.994	1.360.413.359.945
Phải trả cho các bên liên quan	213.920.118.788	159.430.435.048
	<hr/> 1.583.604.110.782	<hr/> 1.519.843.794.993
Trong đó:		
- Ngắn hạn	1.561.989.982.282	1.495.519.562.993
- Dài hạn	21.614.128.500	24.324.232.000
	<hr/> 1.583.604.110.782	<hr/> 1.519.843.794.993

Xem thêm Thuyết minh 37 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ/ Hoàn lại VND	Phân loại lại VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	54.526.443.388	2.334.557.692.851	(208.890.144.507)	(1.875.352.010.459)	-	304.841.981.273
Thuế xuất nhập khẩu	-	13.536.585.822	(13.536.585.822)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	163.213.798.814	446.375.511.720	(213.690.016.090)	-	(2.388.248.622)	393.511.045.822
Thuế thu nhập cá nhân	6.075.763.060	85.940.378.620	(73.070.892.073)	(21.934.816.495)	7.080.460.207	4.090.893.319
Các loại thuế khác	1.860.017.810	82.550.704.237	(82.766.183.496)	-	-	1.644.538.551
	225.676.023.072	2.962.960.873.250	(591.953.821.988)	(1.897.286.826.954)	4.692.211.585	704.088.458.965

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.114.567.542.718	795.007.028.724
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	182.579.466.429	136.490.994.684
Thưởng và lương tháng 13	168.406.360.843	216.914.450.978
Chi phí kho vận	102.044.260.859	89.456.440.246
Chi phí trưng bày	42.041.039.567	30.866.532.380
Chi phí công nghệ thông tin	38.204.537.225	23.662.966.359
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	33.117.139.291	33.514.858.628
Chi phí lãi vay	31.768.422.053	34.555.531.409
Chiết khấu thương mại	30.587.071.186	49.446.887.596
Chi phí nghiên cứu thị trường	14.973.627.538	6.997.977.043
Chi phí khác	115.514.671.502	104.457.860.445
	1.873.804.139.211	1.521.371.528.492

24. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	48.033.250.000	-
Cổ tức phải trả	9.901.869.100	9.984.601.600
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	9.014.193.148	8.553.330.849
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	8.707.592.736	2.954.492.736
Phải trả khác	97.887.307.008	84.687.279.888
	173.544.211.992	106.179.705.073

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	31.156.933.624	31.756.586.755

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ			30/6/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	
Vay ngắn hạn	6.012.686.646.185	9.606.336.816.676	(9.093.961.095.472)	2.033.344.947	6.527.095.712.336
Vay dài hạn đến hạn trả	613.530.368.335	395.293.673.671	(329.838.413.421)	-	678.985.628.585
	6.626.217.014.520	10.001.630.490.347	(9.423.799.508.893)	2.033.344.947	7.206.081.340.921

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn sổ dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	4,80% - 7,73%	6.346.582.154.909	5.869.909.782.253
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	3,60% - 5,40%	180.513.557.427	142.776.863.932
			6.527.095.712.336	6.012.686.646.185

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Vay dài hạn	1.129.701.455.780	1.388.279.365.230
Đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(678.985.628.585)	(613.530.368.335)
Đến hạn trả sau 12 tháng	450.715.827.195	774.748.996.895

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại	Lãi suất	Năm	30/6/2023	1/1/2023
	tiền tệ	năm	đáo hạn	VND	VND
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,60% - 10,92%	2023 - 2025	1.129.701.455.780	1.388.279.365.230

Khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ lần lượt là 833.265 triệu VND, 205.302 triệu VND và 35.545 triệu VND (1/1/2023: lần lượt là 808.731 triệu VND, 291.966 triệu VND và 35.965 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, các khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của các công ty con trong Tập đoàn cũng được bảo lãnh bởi Công ty.

Trong kỳ, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản cho vay của các khoản vay trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Tập đoàn không có khoản vay quá hạn bao gồm cả gốc và lãi.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	6.989.018.595	22.731.972.844	6.816.958.384.098	590.964.125.113	17.005.693.937.381
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	2.198.717.334.849	52.771.683.829	2.251.489.018.678
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	-	-	(1.871.608.391)	-	-	(6.448)	(1.871.614.839)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	5.117.410.204	22.731.972.844	9.015.675.718.947	643.735.802.494	19.255.311.341.220
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	7.418.664.660	22.731.972.844	12.263.423.092.167	527.565.855.752	22.445.645.207.154
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3.000.490.447.162	47.466.427.370	3.047.956.874.532
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	-	-	(828.814.166)	-	-	(2.356)	(828.816.522)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	6.589.850.494	22.731.972.844	15.263.913.539.329	575.032.280.766	25.492.773.265.164

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	727.461.879	7.274.618.790.000	727.461.879	7.274.618.790.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	716.546.491	7.165.464.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.610.328.815.858		3.610.328.815.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động về số lượng cổ phiếu hiện đang lưu hành trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	83.687.695.796	95.359.587.077
Trong vòng 2 đến 5 năm	107.179.851.259	70.502.619.625
Trên 5 năm	274.848.905.879	284.273.062.662
	<hr/>	<hr/>
	465.716.452.934	450.135.269.364
	<hr/>	<hr/>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	162.976.173.253	266.292.999.337
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	276.607.260.675	308.788.352.300
	<hr/>	<hr/>
	439.583.433.928	575.081.351.637
	<hr/>	<hr/>

(c) Ngoại tệ

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	56.919	1.332.549.505	630.464	14.758.126.880
EUR	196	4.959.490	202	4.983.736
THB	54.323.075	34.984.055.542	45.255.027	29.823.058.621
		<hr/>		<hr/>
		36.321.564.537		44.586.169.237
		<hr/>		<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	12.499.863.696.652	11.841.320.490.413
▪ Doanh thu khác	66.787.464.749	44.691.694.277
	<hr/>	<hr/>
	12.566.651.161.401	11.886.012.184.690
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	42.986.665.240	40.965.809.785
▪ Hàng bán bị trả lại	9.493.943.415	26.592.754.957
	<hr/>	<hr/>
	52.480.608.655	67.558.564.742
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	12.514.170.552.746	11.818.453.619.948

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán	6.862.928.477.810	6.816.820.468.942
▪ Giá vốn khác	29.863.944.544	43.013.015.626
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	33.595.574.572	33.830.700.757
	<hr/>	<hr/>
	6.926.387.996.926	6.893.664.185.325



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư khác	636.494.209.354	257.938.313.357
Thu nhập lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	241.197.095.562	132.145.234.848
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.456.559.671	12.026.505.287
	890.147.864.587	402.110.053.492

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	262.944.878.670	139.147.523.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.063.495.534	35.686.883.351
Chi phí đi vay	1.436.499.996	1.436.499.996
Chi phí khác	5.756.860.414	15.697.776.298
	278.201.734.614	191.968.683.451

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.629.650.075.561	1.287.957.576.823
Chi phí kho vận	349.599.876.683	402.618.637.019
Chi phí nhân viên	249.008.775.098	268.822.392.229
Chi phí trung bày	49.904.349.996	61.264.453.647
Chi phí nghiên cứu thị trường	31.593.698.640	6.814.275.057
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	19.609.329.679	22.807.516.915
Chi phí khác	35.551.118.295	27.124.254.225
	2.364.917.223.952	2.077.409.105.915

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	204.733.653.343	217.421.714.047
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	37.598.976.962	48.259.220.451
Chi phí thuê văn phòng	37.135.129.851	34.303.399.718
Chi phí nghiên cứu và phát triển	32.190.151.401	35.465.472.751
Khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn và bất động sản đầu tư phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	26.970.054.180	29.175.986.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.802.486.141	23.332.318.722
Phân bổ lợi thế thương mại	17.406.404.778	29.885.229.360
Chi phí khác	68.674.779.262	33.654.853.000
	445.511.635.918	451.498.194.517

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	446.375.511.720	225.838.277.622
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	30.301.166.102
	446.375.511.720	256.139.443.724
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(72.635.180.649)	107.182.642.869
	373.740.331.071	363.322.086.593

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.421.697.205.603	2.614.811.105.271
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	684.339.441.121	522.962.221.054
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(842.279.142)	(155.050.399)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(310.651.959.108)	(208.182.935.573)
Ảnh hưởng của phần lãi trong một công ty liên kết	(6.752.539.870)	(2.659.217.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.651.786.900	4.454.593.355
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	30.301.166.102
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	3.481.280.959	5.977.045.874
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (*)	1.514.600.211	10.624.263.180
	373.740.331.071	363.322.086.593

(*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận tại một số công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con này có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản chênh lệch tạm thời này.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Một số công ty con của Công ty được hưởng các mức miễn và giảm thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này có thẩm quyền phạt thuế, đánh thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ là 3.000.490 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 2.198.717 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 716.546.491 cổ phiếu (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 715.878.430 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.000.490.447.162	2.198.717.334.849

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ/Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ – hiện đang lưu hành	716.546.491	715.878.430

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.187	3.071

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***37. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong kỳ và tại ngày kết thúc kỳ/năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ cấp trung gian					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	64.498.179	55.756.814	13.076.999	18.881.346
	Phí hỗ trợ quản lý	788.776.284	1.001.886.300	8.446.850.452	10.088.159.277
Công ty Cổ phần The CrownX	Phí hỗ trợ quản lý	9.250.000.000	-	(9.250.000.000)	(6.679.304.155)
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cho vay	95.000.000.000	95.000.000.000	6.142.191.980.732	6.047.191.980.732
	Thu nhập lãi cho vay	240.440.931.179	132.145.234.848	240.440.931.179	-
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cổ tức nhận được sau ngày mua	13.296.085.000	13.296.085.000	-	-
Các bên liên quan khác					
Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”) và chi nhánh (từ tháng 10 năm 2022)	Bán hàng hóa	58.861.855.613	-	1.441.536.730	5.428.719.336
	Phí dịch vụ phân phối	30.286.301.883	-	-	-
	Mua hàng hóa	76.105.368.080	-	(19.368.353.173)	(146.162.162.871)
	Phải trả tiền bán hàng thu hộ của hoạt động dịch vụ phân phối	-	-	(191.863.501.749)	-
	Phí hỗ trợ bán hàng và giao hàng của hoạt động dịch vụ phân phối	57.218.377.711	-	7.383.185.981	-
	Phí hỗ trợ quản lý	3.731.212.571	-	3.731.212.567	43.814.136

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Masan Master Brewer	Bán hàng hóa	-	690.526	-	181.412
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	76.449.879	24.362.971	20.752.857	12.191.338
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	654.687.785	290.267.774	3.026.637.667	3.337.160.542
	Mua hàng hóa	193.719.526	4.522.925.597	-	(633.006.000)
	Phí hỗ trợ quản lý	25.625.112.205	18.541.237.386	61.697.780.944	43.423.973.251
	Cho vay	46.000.000.000	-	46.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	756.164.383	-	756.164.383	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	131.021.709	2.836.231.207	62.065.353	12.517.422
	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.329.391.698	1.145.499.378	(695.216.046)	(552.827.601)
	Mua tài sản cố định	-	-	-	(559.266.341)
	Phí hỗ trợ quản lý	115.486.642	38.348.311	115.486.643	2.654.132.879
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Mua dịch vụ	1.512.000.000	-	(1.709.731.523)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	481.224.447	714.524.676	2.322.672.923	1.841.448.476
	Đặt cọc thuê kho	4.300.000.000	11.427.694.211	59.171.988.576	54.871.988.576
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	Phí hỗ trợ quản lý	-	378.273.269	-	73.923.379
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	15.763.633	16.728.182	2.219.999	5.576.728
	Phí hỗ trợ quản lý	12.087.367.941	17.855.641.435	38.223.668.713	44.338.995.834

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	135.338.129	23.597.668.589	31.426.250	39.480.000
	Mua hàng hóa và dịch vụ	62.566.250	37.499.677.035	-	-
	Mua tài sản cố định	-	161.372.550.562	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	432.223.823	1.918.296.986	2.024.877.375	1.592.653.552
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	135.518.718	1.030.231.196	-	79.417.000
	Mua hàng hóa	721.372.217	15.024.568.828	(101.150.500)	(92.918.733)
	Phí hỗ trợ quản lý	353.637.679	3.394.067.914	2.344.839.200	1.991.201.521
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	32.551.940	810.337.274	3.952.331	15.397.130
	Mua hàng hóa	33.148.791	24.338.314.800	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	186.942.990	147.846.759	147.846.759
Công ty Cổ phần 3F VIỆT và chi nhánh	Bán hàng hóa	10.688.048	2.086.838	-	-
	Mua hàng hóa	-	3.014.682.100	-	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	473.140.438	702.544.205	94.487.892	318.612.735
	Phí hỗ trợ quản lý	69.743.142	646.956.702	203.976.526	999.463.463
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Bán hàng hóa	571.372.336.186	579.611.003.522	449.738.620.326	254.999.528.515
	Mua hàng hóa và dịch vụ	116.420.656.082	67.575.338.279	-	(3.525.947.783)
	Mua tài sản cố định	1.522.851.000	-	-	-
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	11.698.409.628	11.257.500.962	12.848.127.294	3.342.739.292
	Chiết khấu thanh toán và hỗ trợ bán hàng khác phải trả	7.757.462.045	11.908.018.689	-	-
	Phải thu khác	-	-	17.000.000	17.000.000



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco	Bán hàng hóa	-	-	7.572.247	7.572.247
	Mua hàng hóa	4.327.166.000	2.876.455.000	(462.723.000)	(586.696.000)
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	420.235.308	405.516.408	462.258.840	74.344.675
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.092.050.791	7.610.581.528	979.698.285	4.996.732.505
	Mua hàng hóa	250.801.653	10.190.451	-	(871.192.978)
	Phí hỗ trợ quản lý	2.305.786.302	1.197.033.900	2.305.786.302	2.041.074.540
Công ty Cổ phần Mobicast	Bán hàng hóa	-	-	9.977.656	9.977.656
	Mua dịch vụ	2.927.302.863	690.065.608	(23.484.147)	(203.500.568)
Công ty Cổ phần The Surpa	Bán hàng hóa	95.762.988	33.896.720	27.432.997	13.376.167
	Bán tài sản cố định	21.000.000	-	6.954.000	-
	Mua dịch vụ	405.109.570	-	(7.712.650)	(117.585.596)
	Phí hỗ trợ quản lý	895.798.500	-	1.703.525.256	807.726.756
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (*)	Mua chứng khoán kinh doanh	1.216.544.000.000	1.569.910.000.000	-	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	1.202.171.717.880	1.569.910.000.000	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt (**)	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	31.277.249.084	46.622.672.986	-	-

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam ("Techcombank"), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

(**) Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của các bên liên quan với giá trị ghi sổ là 114.614 triệu VND (1/1/2023: 344.650 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

38. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết phê duyệt việc tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 45% mệnh giá mỗi cổ phiếu (4.500 VND/cổ phiếu). Danh sách cổ đông đã được chốt và cổ tức sẽ được chi trả lần lượt trong tháng 7 và tháng 8 năm 2023.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Ngày 4 tháng 8 năm 2023

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền



Hành Việt Thăng
Giám đốc Tài chính